

Số: *49* /HD-SGDĐT

An Giang, ngày *23* tháng 10 năm 2012

HƯỚNG DẪN
Về việc xếp loại phòng học bộ môn đạt chuẩn

Căn cứ vào Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về phòng học bộ môn;

Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang ban hành hướng dẫn đánh giá phòng học bộ môn đạt chuẩn các trường THCS và THPT áp dụng từ năm học 2012- 2013 và những năm tiếp theo, như sau:

A. Tiêu chuẩn đánh giá

I. Tiêu chuẩn 1: Về cơ sở vật chất của phòng học bộ môn đạt chuẩn

1. Đối với phòng học bộ môn xây dựng sau khi ban hành Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008

a) Diện tích (02 tiêu chí)

| Tiêu chí đánh giá | Trường Trung học cơ sở | Trường Trung học phổ thông |
|---|---|---|
| 1) Diện tích <i>tối thiểu</i> cho 01 học sinh (Trường cần ghi rõ sĩ số học sinh bình quân trên lớp). | 1,85 m ² (Diện tích tối thiểu = 74 m ²) | 2,00 m ² (Diện tích tối thiểu = 90 m ²) |
| (Diện tích tối thiểu cho 01 h/s trong phòng <i>Công nghệ</i>) | 2,25 m ² (Diện tích = 90 m ²) | 2,45 m ² (Diện tích = 110,25 m ²) |
| 2) <i>Phòng chuẩn bị</i> của PBM Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ có diện tích: (bố trí <i>liền kề, liền thông</i> với P .bộ môn) | 12 m ² đến 27 m ² | 12 m ² đến 27 m ² |

b) Kích thước (03 tiêu chí)

| Tiêu chí đánh giá | Trường Trung học cơ sở | Trường Trung học phổ thông |
|---|------------------------|----------------------------|
| 3) Tỷ lệ giữa chiều dài và chiều rộng của Phòng bộ môn. | Không lớn hơn 2 | Không lớn hơn 2 |
| 4) Chiều cao (tính từ <i>sàn tới trần</i>) | Từ 3,30 m trở lên | Từ 3,30 m trở lên |
| 5) Chiều ngang của Phòng bộ môn. | Từ 7,20 m trở lên | Từ 7,20 m trở lên |

c) Yêu cầu kỹ thuật (03 tiêu chí)

| Tiêu chí đánh giá (THCS + THPT) | Các yêu cầu (THCS + THPT) |
|---------------------------------|---------------------------|
|---------------------------------|---------------------------|

| | |
|---|---|
| 6) Tiêu chí phòng ốc: - Nền và sàn nhà - Cửa ra vào, cửa sổ - Hệ thống rèm cửa - Ảnh chân dung các nhà khoa học của ngành học: | - Dễ làm vệ sinh, không trơn trượt. - 02 cửa ra vào, có cửa liên thông giữa phòng bộ môn và phòng chuẩn bị. - Đầy đủ - Đầy đủ |
| 7) Tiêu chí ánh sáng: - Chiều sáng tự nhiên Trường hợp nếu thiếu ánh sáng tự nhiên, có thể tăng cường ánh sáng nhân tạo (lắp thêm hệ thống chiếu sáng) thì tiêu chí này xem như vẫn đạt. - Chiều sáng nhân tạo | - Hướng lấy ánh sáng tự nhiên từ phía tay trái (<i>khí học sinh ngồi hướng lên bảng</i>) - Độ sáng tối thiểu 300 lumen (hoặc 12 bóng đèn neon) |
| 8) Tiêu chí trang thiết bị: - Bàn ghế và cách bố trí: - Tủ, giá, kệ: - Trang thiết bị phòng chống cháy nổ - Đường cấp điện, khí ga, cấp thoát nước, thoát khí. - Hệ thống xử lý chất thải | - Đảm bảo góc nhìn. - Đầy đủ - Đầy đủ - Đầy đủ - Đầy đủ |
| Các lưu ý: - Phòng bộ môn Vật lý, Công nghệ cần được trang bị thêm tại nguồn chính: | 1. Điện xoay chiều (các loại điện áp phổ biến 110V-220V). 2. Điện một chiều (điều chỉnh 0-24V/30A trở lên). 3. Thông gió, thoát khí (quạt, máy lạnh...) 4. Tủ thuốc y tế. |
| - Phòng bộ môn Hóa học, Sinh học cần được trang bị thêm: | 1. Điện xoay chiều (các loại điện áp phổ biến 110V-220V). 2. Điện một chiều (điều chỉnh 0-24V/30A trở lên). 3. Thông gió, thoát khí (quạt, máy lạnh...) 4. Tủ thuốc y tế. 5. Tủ sấy. 6. Tủ hút. 7. Quạt hút, thải khí độc. 8. Chậu rửa, vòi nước, đường thoát nước gắn với bàn học. 9. Phòng Sinh thêm tủ đựng kính hiển vi chuyên dùng |
| - Phòng bộ môn Âm nhạc: | Thiết bị cách âm. |

2. Đối với phòng học bộ môn xây dựng trước khi ban hành Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008

a) Diện tích (02 tiêu chí)

| Tiêu chí đánh giá | Trường Trung học cơ sở | Trường Trung học phổ thông |
|--|--|--|
| 1) Diện tích <i>tối thiểu</i> (Trường cần ghi rõ sĩ số học sinh bình quân trên lớp). | Diện tích tối thiểu = 65m ² | Diện tích tối thiểu = 79m ² . |
| (Diện tích tối thiểu (P. Công nghệ)) | Diện tích tối thiểu = 79m ² | Diện tích tối thiểu = 97m ² |
| 2) Phòng chuẩn vi của PBM Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (có thể là phòng học tái tạo lại thành 2 phòng chuẩn bị cho 2 phòng bộ môn). Nếu có phòng chuẩn bị | Diện tích tối thiểu = 10m ² trở lên. | Diện tích tối thiểu = 10m ² trở lên. |

nhưng không liên kê vẫn xem như đạt ở mức độ tối thiểu-mức 1.

Các mục b) và c) giống như trên.

II. Tiêu chuẩn 2: Về trang thiết bị của phòng học bộ môn đạt chuẩn:

Gồm 02 tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá (THCS + THPT) | Các yêu cầu (THCS + THPT) |
|--|--|
| 9) Tiêu chí trang thiết bị dạy học: - Sắp xếp hợp lý trong hệ thống tủ, giá, kệ chuyên dùng, thuận tiện sử dụng và bảo quản. - Có tối thiểu 01 máy vi tính dùng chung cho các phòng bộ môn, đầy đủ danh mục trang thiết bị tối thiểu theo Thông tư 19/2009 của Bộ GD&ĐT (cấp THCS), Thông tư 01/2010 của Bộ GD&ĐT (cấp THPT) và vũ khí dạy môn QP-AN. (Riêng phòng tin học có thêm: máy chủ, hệ thống máy tính nối mạng). | - Đạt yêu cầu. - Đối chiếu Sổ thiết bị giáo dục và kiểm tra xác suất thực tế. |
| 10) Tiêu chí Sổ thiết bị trên máy, sử dụng phần mềm quản lý Thiết bị: kiểm tra trên máy Sổ thiết bị giáo dục, Sổ theo dõi sử dụng (in từ dữ liệu trên máy của phần mềm). | - Thực hiện đầy đủ, có cập nhật đến trước năm kiểm tra. |

III. Tiêu chuẩn 3: Về quản lý, sử dụng, hiệu quả và hoạt động của phòng học bộ môn đạt chuẩn: (Gồm 6 tiêu chí):

| Tiêu chí đánh giá (THCS + THPT) | Các yêu cầu (THCS + THPT) |
|--|--|
| 11) Tiêu chí viên chức làm công tác Thiết bị dạy học: - Đã qua lớp tập huấn nghiệp vụ Thiết bị theo QĐ 74/BGDĐT của Bộ GDĐT, đạt chuẩn giáo viên theo quy định hiện hành. | - Có chứng chỉ Bồi dưỡng Thiết bị, đối chiếu hồ sơ tổ chức lưu tại đơn vị. - Có viên chức đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ Thiết bị, bố trí công việc khác: Không đạt. |
| 12) Tiêu chí hồ sơ quản lý: - Xem các quyết định: Tổ công tác thiết bị, phân công phụ trách phòng bộ môn, giao quản lý các tài sản trong phòng. - Sổ sách: Sổ thiết bị giáo dục, Sổ theo dõi sử dụng TBGD, Sổ mượn TBGD, Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng (mẫu S 32H), Sổ lưu hóa đơn chứng từ, Sổ tiêu hao thí nghiệm, sổ đầu bài thực hành thí nghiệm. - Kế hoạch: kế hoạch hoạt động phòng bộ môn: năm học, học kỳ, tháng, tuần, kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị dạy học, các đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung. Tất cả các hồ sơ nêu trên đều có phê duyệt của Hiệu trưởng và đóng dấu giáp lai, đánh số trang đầy đủ. | - Có đầy đủ, cuối tháng Ban giám hiệu có nhận xét cụ thể và ký duyệt, không chấp nhận ghi chung chung. - Có tổ chức theo dõi việc sử dụng thiết bị bằng phần mềm quản lý thiết bị, có báo cáo về Phòng TVTB & CNTT để được hỗ trợ, hướng dẫn. |
| 13) Tiêu chí hoạt động: - Các bài thí nghiệm, thí nghiệm thực hành trong phân phối chương trình của Bộ (thể hiện đầy đủ trong sổ đầu bài của riêng phòng bộ môn). - Tham gia hoặc hỗ trợ cho giáo viên bộ môn tham gia phong trào tự làm đồ dùng dạy học dự thi cấp tỉnh. - Xem biên bản tự kiểm tra (ít nhất 01 lần/năm học), | - Đầy đủ - Đầy đủ - Đầy đủ |

| | |
|---|--|
| cập nhật sổ sách, mô tả, phân loại, sắp xếp khoa học và hệ thống các thiết bị dạy học theo chương trình môn học. | |
| 14) Tiêu chí bảo quản: - Trang thiết bị bố trí đúng theo hướng dẫn nghiệp vụ (dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy, dễ sử dụng. . .). - Sạch sẽ, không bụi, không mạng nhện - Có biên bản(hay kế hoạch) thực hiện bảo quản định kỳ. - Thiết bị hư hỏng, thất thoát | - Đầy đủ. - Nằm trong mức hợp lý. |
| 15) Tiêu chí sử dụng - Dạy đủ các tiết học có tiến hành thí nghiệm thực hành. - Kiểm kê, thanh lý đầy đủ theo quy định kiểm kê tài sản của Nhà nước. | - Xem Sổ đầu bài, Kế hoạch. - Đầy đủ. |
| 16) Tiêu chí hiệu quả - Có học sinh tham dự các kỳ thi HSG kỹ năng thực hành thí nghiệm năm trước liền kề. | - Có đối chiếu danh sách dự thi. |

***Riêng Phòng bộ môn Tin học:** ngoài việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nêu trên còn phải thực hiện đầy đủ và đạt yêu cầu các tiêu chí trong công văn số 1935/SGDĐT-TVTBCNTT ngày 29/12/2010 của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang.

B. Hướng dẫn đánh giá, xếp loại:

I. Quy trình đánh giá, xếp loại:

1. Bước 1: trường tự tổ chức kiểm tra và đánh giá. Thành phần gồm: Ban Giám Hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn.

2. Bước 2: đối với trường THCS, nếu trường tự đánh giá đạt thì đăng ký để Phòng GD-ĐT đến thẩm tra kết quả tự đánh giá. Thành phần thẩm tra của Phòng GD-ĐT gồm: Lãnh đạo Phòng, cán bộ thiết bị của phòng, ba cán bộ thiết bị của ba trường THCS trong huyện.

3. Bước 3: trường THPT tự đánh giá đạt hoặc trường THCS đã được Phòng GD-ĐT thẩm tra đạt thì đề nghị Sở GD-ĐT kiểm tra, công nhận.

4. Trường được Phòng GD-ĐT thẩm tra và đánh giá không đạt hoặc được Sở GD-ĐT kiểm tra và đánh giá không đạt, thì lần thẩm tra, kiểm tra kế tiếp là vào năm học sau.

5. Phòng học bộ môn đạt chuẩn sẽ được bảo lưu trong 3 năm học: năm được công nhận và 2 năm học kế tiếp.

Nếu đã được công nhận đạt chuẩn mức 1, năm học sau được tiếp tục đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn mức 2 (nếu có yêu cầu).

Trường có phòng bộ môn nào đạt thì đăng ký để cấp trên kiểm tra phòng bộ môn đó, không nhất thiết phải chờ cho tất cả các phòng bộ môn của trường đạt hết rồi mới đăng ký.

6. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận đạt chuẩn gồm các phiếu kiểm tra theo từng tiêu chuẩn và bản đăng ký công nhận phòng học bộ môn đạt chuẩn (đính kèm).

II. Cách xếp loại:

- Phòng bộ môn **đạt chuẩn mức độ 2** khi tất cả các tiêu chí nêu ở trên đều đạt. (16/16)

- Phòng bộ môn **đạt chuẩn mức độ 1** khi có 12 tiêu chí trở lên xếp loại đạt.

- Nếu chỉ **đạt 11 tiêu chí trở lại** thì phòng bộ môn xếp loại **chưa đạt**.

Hướng dẫn này thay thế cho hướng dẫn số 07 /SGDDĐT- TVTB&CNTT ngày 02/02/2010 của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang về việc đánh giá phòng học bộ môn đạt chuẩn.

Các trường căn cứ vào hướng dẫn này để lập kế hoạch xây dựng các phòng học bộ môn của đơn vị sớm đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám Đốc;
- Các Phòng, ban Sở;
- Lưu: VP, TVTB&CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lý Thanh Tú